

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Tên chương trình : Đào tạo cử nhân Sư phạm lịch sử - Giáo dục công dân
Trình độ đào tạo : Đại học
Ngành đào tạo : Sư phạm lịch sử
Loại hình đào tạo : Chính quy

(Ban hành kèm theo Quyết định số 129 /QĐ-ĐHHV-ĐT ngày 28 tháng 01 năm 2010 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hùng Vương)

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung

Sau khi học xong chương trình, người học đạt được trình độ cử nhân về khoa học lịch sử và khoa học giáo dục; có kiến thức sâu rộng về khoa học cơ bản, có kiến thức vững chắc về khoa học giáo dục; biết kết hợp nhuần nhuyễn giữa hai khoa học nói trên để phục vụ tốt cho sự nghiệp đào tạo, đổi mới giáo dục hiện nay ở nước ta.

1.2. Mục tiêu cụ thể

1.2.1. Về phẩm chất đạo đức

Có phẩm chất cơ bản của người giáo viên nhà trường xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Thấm nhuần thế giới quan Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội, có ý thức trách nhiệm cao, có đạo đức tốt, tác phong mẫu mực của người giáo viên.

1.2.2. Về kiến thức

Có kiến thức toàn diện, hệ thống và sâu rộng về tiến trình lịch sử dân tộc và lịch sử nhân loại, có thể làm công tác giảng dạy lịch sử và giảng dạy giáo dục công dân tại các trường Trung học cơ sở, có thể làm việc tại các cơ sở nghiên cứu, đoàn thể xã hội hoặc cơ quan có liên quan đến kiến thức lịch sử và giáo dục.

1.2.3. Về kỹ năng

Có năng lực sư phạm cao để đảm bảo yêu cầu đổi mới nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức dạy và học, kiểm tra đánh giá kết quả giáo dục dạy học môn lịch sử và giáo dục công dân ở trường Trung học cơ sở, đáp ứng yêu cầu chất lượng, hiệu quả của sự nghiệp giáo dục. Có kỹ năng tự đổi mới, tự bổ túc, tự nghiên cứu khoa học cơ bản và khoa học sư phạm để nâng cao trình độ, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của xã hội.

2. Thời gian đào tạo: 4 năm

3. Khối lượng kiến thức toàn khóa: 135 tín chỉ

Chưa kể phần nội dung Giáo dục thể chất (150 tiết) và Giáo dục Quốc phòng và an ninh (165 tiết).

4. Đối tượng tuyển sinh

Học sinh tốt nghiệp THPT, Bổ túc THPT, Trung cấp chuyên nghiệp hoặc tương đương

5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

Theo quy chế ban hành tại Quyết định số 43/2007/QĐ-BGD&ĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

6. Thang điểm

Theo quy chế ban hành tại Quyết định số 43/2007/QĐ-BGD&ĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

7. Nội dung chương trình

TT	Mã số	Tên học phần	Số tín chỉ	Loại giờ tín chỉ				Điều kiện tiên quyết
				LT	BT, TL	T/H	Tự học	
7.1. Kiến thức giáo dục đại cương (GDĐC)			45					
7.1.1. Kiến thức giáo dục đại cương bắt buộc			39					
1	LC1501	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin	5	50	25		150	
2	LC1202	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	20	10		60	1
3	LC1303	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	3	30	15		90	1; 2
4	NN1301	Tiếng Anh (1)	3	45			90	
5	NN1202	Tiếng Anh (2)	2	30			60	4
6	NN1203	Tiếng Anh (3)	2	30			60	5
7	TC1007	Giáo dục thể chất	150t					
8	QP1008	Giáo dục quốc phòng và an ninh	165t					
9	TI1201	Tin học cơ sở	2	15		15	60	
10	TG1401	Tâm lý học	4	53	5	2	120	
11	TG1402	Giáo dục học	4	50	7	3	120	
12	TG1203	Quản lý hành chính Nhà nước và Quản lý ngành giáo dục đào tạo	2	26	3	1	60	
13	LS1201	Dân tộc học đại cương	2	25	5		60	
14	LS1202	Cơ sở khảo cổ học	2	25	5		60	
15	LS1203	Lịch sử văn minh thế giới 1	2	28	2		60	
16	VN1251	Cơ sở văn hoá Việt Nam 1	2	20	5	5	60	
17	LC1205	Xã hội học đại cương	2	20	10		60	1
7.1.2. Kiến thức giáo dục đại cương tự chọn (Chọn 3 trong 5 học phần)			6					
18	LS1204	Tôn giáo học đại cương	2*	25	5		60	
19	NV1201	Tiếng Việt thực hành	2*	25	5		60	
20	LS1205	Lịch sử Đông Nam Á đại cương	2*	25	5		60	

21	ĐL1219	Địa lý đại cương	2*	26		4	60	
22	LS1206	Lịch sử địa phương và phương pháp nghiên cứu lịch sử địa phương	2*	20	5	5	60	37
7.2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp			90					
7.2.1. Kiến thức cơ sở ngành			25					
23	TG2204	Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục	2	23	4	3	60	
24	LS2207	Rèn luyện NVSP thường xuyên	2	15	5	10	60	
25	LS2108	Thực tế lịch sử	1			15	30	
26	LS2209	Phương pháp luận sử học và nhập môn sử học	2	25	5		60	
27	LS2210	Lịch sử ngoại giao và Lịch sử quân sự Việt Nam	2	25	5		60	37
28	LS2411	Những vấn đề chung về PPDH lịch sử và hệ thống các PPDH lịch sử	4	45	10	5	120	37
29	LS2212	Các hình thức tổ chức dạy học lịch sử	2	15	5	10	60	28
30	LS2213	Lịch sử sử học và sử liệu học	2	25	5		60	
31	LC2218	Thể chế chính trị Việt Nam hiện đại	2	20	10			
32	LC2208	Chính trị học đại cương	2	20	10			1
33	LC2215	Lịch sử tư tưởng xã hội chủ nghĩa	2	20	10			1
34	LC2214	Lịch sử tư tưởng Việt Nam	2	20	10			1
7.2.2. Kiến thức ngành			50					
a) Kiến thức ngành bắt buộc			44					
35	LS2514	Lịch sử Việt Nam cổ - trung đại	5	50	15	10	150	
36	LS2415	Lịch sử Việt Nam cận đại	4	45	10	5	120	35
37	LS2516	Lịch sử Việt Nam hiện đại	5	50	15	10	150	36
38	LS2517	Lịch sử Nguyên thủy, Cổ, Trung đại thế giới	5	50	15	10	150	
39	LS2418	Lịch sử thế giới cận đại	4	45	10	5	120	38
40	LS2419	Lịch sử thế giới hiện đại	4	45	10	5	120	39
41	LS2320	Quan hệ quốc tế từ cuối thế kỷ XIX đến nay	3	35	5	5	90	40
42	LC2409	Pháp luật chuyên ngành	4	40	20		120	1
43	LC2410	Đạo đức học	4	40	20		120	2
44	LC2311	Hành chính nhà nước	3	30	15		90	1
45	LC2313	PP giảng dạy môn giáo dục công dân	3	25	10	10	90	44
b) Kiến thức ngành tự chọn			6					
<i>(Chọn 3 trong 5 học phần)</i>								
46	LS2221	Hồ Chí Minh với cách mạng Việt Nam	2*	25	5		60	37
47	LS2222	Những vấn đề lịch sử Trung Quốc cổ - trung đại	2*	25	5		60	40
48	LS2223	Nâng cao hiệu quả bài học lịch sử ở trường THPT	2*	20	10		60	29
49	LC2216	Lịch sử triết học Trung Quốc cổ đại	2*	20	10		60	1

50	LC2217	Lịch sử triết học Ấn Độ cổ đại	2*	20	10		60	1
7.2.3.Thực tập, khoá luận tốt nghiệp			15					
51	LS2224	Thực tập sư phạm 1	3					
52	LS2525	Thực tập sư phạm 2	5					
53	LS2726	Khoá luận tốt nghiệp	7					
Học phần chuyên môn thay thế khóa luận tốt nghiệp								
54	LS2227	Những cải cách và tư tưởng cải cách trong lịch sử Việt Nam	2	25	5		60	37
55	LS2328	Những vấn đề cơ bản của cuộc cách mạng tư sản thời cận đại	3	40	5		90	40
56	LC2212	Những vấn đề thời đại ngày nay	2	20	10		60	1
Cộng:			135					

HIỆU TRƯỞNG

(đã ký)

PSG.TS Cao Văn